Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024-2025.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Theo chỉ tiêu phân bổ, học sinh có điều kiện xin học lại theo điều lệ	Số học sinh lớp 6 lên lớp, học sinh có điều kiện xin học lại theo điều lệ và học sinh chuyển đến theo quy định	Số học sinh lớp 7 lên lớp, học sinh có điều kiện xin học lại theo điều lệ và học sinh chuyển đến theo quy định	Số học sinh lớp 8 lên lớp, học sinh có điều kiện xin học lại theo điều lệ và học sinh chuyển đến theo quy định
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.** **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	Thông qua Ban đại diện CMHS; phương tiện thông tin liên lạc(Điện thoại, sổ LL, Enet Việt). Học sinh phải đảm bảo chuyên cần, có ý thức học tập, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa	Thông qua Ban đại diện CMHS; phương tiện thông tin liên lạc(Điện thoại, sổ LL, Enet Việt). Học sinh phải đảm bảo chuyên cần, có ý thức học tập, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa	Thông qua Ban đại diện CMHS; phương tiện thông tin liên lạc(Điện thoại, sổ LL, Enet Việt) . Học sinh phải đảm bảo chuyên cần, có ý thức học tập, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa	Thông qua Ban đại diện CMHS; phương tiện thông tin liên lạc(Điện thoại, sổ LL, Enet Việt) . Học sinh phải đảm bảo chuyên cần, có ý thức học tập, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế và các thiết bị giảng dạy; thường xuyên bổ sung, nâng cấp sửa chữa theo thực tế	Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế và các thiết bị giảng dạy; thường xuyên bổ sung, nâng cấp sửa chữa theo thực tế	Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế và các thiết bị giảng dạy; thường xuyên bổ sung, nâng cấp sửa chữa theo thực tế	Đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế và các thiết bị giảng dạy; thường xuyên bổ sung, nâng cấp sửa chữa theo thực tế

V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo từng chủ điểm, tham gia các phong trào ngoại khóa do ngành tổ chức; tổ chức thi đua học tốt, thi đua tuần, tháng, học kì	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo từng chủ điểm , tham gia các phong trào ngoại khóa do ngành tổ chức; tổ chức thi đua học tốt, thi đua tuần, tháng, học kì	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo từng chủ điểm , tham gia các phong trào ngoại khóa do ngành tổ chức; tổ chức thi đua học tốt, thi đua tuần, tháng, học kì	Tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo từng chủ điểm , tham gia các phong trào ngoại khóa do ngành tổ chức; tổ chức thi đua học tốt, thi đua tuần, tháng, học kì
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	-100% học sinh hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên; lên lớp thẳng 96.5%, lên lớp sau thi lại 98.5%; HS lớp 9 Tốt nhiệp THCS 99% .	-100% học sinh hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên; lên lớp thẳng 96.5%, lên lớp sau thi lại 98.5%; HS lớp 9 Tốt nhiệp THCS 99% .	-100% học sinh hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên; lên lớp thẳng 96.5%, lên lớp sau thi lại 98.5%; HS lớp 9 Tốt nhiệp THCS 99% .	-100% học sinh hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên; lên lớp thẳng 96.5%, lên lớp sau thi lại 99.5%; HS lớp 9 Tốt nhiệp THCS 99% .
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Tất cả học sinh đạt yêu cầu tiếp tục học cấp lớp tiếp theo và có nhu cầu học lại	Tất cả học sinh đạt yêu cầu tiếp tục học cấp lớp tiếp theo và có nhu cầu học lại	Tất cả học sinh đạt yêu cầu tiếp tục học cấp lớp tiếp theo và có nhu cầu học lại	- 70% học sinh tiếp tục học bậc THPT. -30% tiếp tục học các trường nghề, trung tâm GDTX

Hóc Môn, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN XUÂN

Nguyễn Duy Quang

Biểu mẫu 10

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**2509**	**779**	**628**	**477**	**625**
1	Tốt	2316	738	584	411	583
	(tỷ lệ so với tổng số)	92.31%	94.74%	92.99%	86.16%	93.28%
2	Khá	176	40	41	55	40
	(tỷ lệ so với tổng số)	7.01%	5.13%	6.53%	11.53%	6.40%
3	Trung bình	17	1	3	11	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.68%	0.13%	0.48%	2.31%	0.32%
4	Yếu	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	**Số học sinh chia theo học lực**	2509	**779**	**628**	**477**	**625**
1	Giỏi	1075	371	215	160	329
	(tỷ lệ so với tổng số)	42.85%	47.63%	34.24%	33.54%	52.64%
2	Khá	884	251	226	183	224
	(tỷ lệ so với tổng số)	35.23%	32.22%	35.99%	38.36%	35.84%
3	Trung bình	489	134	160	123	72
	(tỷ lệ so với tổng số)	19.49%	17.20%	25.48%	25.79%	11.52%
4	Yếu	61	23	27	11	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.43%	2.95%	4.30%	2.31%	0.00%
5	Kém	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**2509**	**779**	**628**	**477**	**625**
1	Lên lớp	2448	756	601	466	625
	(tỷ lệ so với tổng số)	97.57%	97.05%	95.70%	97.69%	100.00%
a	Học sinh giỏi- Xuất sắc	1039	370	180	160	329
	(tỷ lệ so với tổng số)	42.44%	48.94%	29.95%	34.33%	52.64%
b	Học sinh tiên tiến	222	0	0	0	222
	(tỷ lệ so với tổng số)	9.07%	0.00%	0.00%	0.00%	35.52%
2	Thi lại	61	23	27	11	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.43%	2.95%	4.30%	2.31%	0.00%
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến	**3**	2	0	1	0
	Chuyển trường đi	**32**	4	4	1	23
5	Bị đuổi học					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	**25**	7	7	7	4

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	65	0	0	0	65
1	Cấp huyện	**43**	0	0	0	43
2	Cấp tỉnh/thành phố	**22**	0	0	0	22
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	**nghiệp**	625	0	0	0	625
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ**					625
1	Giỏi	329	0	0	0	329
	(tỷ lệ so với tổng số)					52.64%
2	Khá	222	0	0	0	222
	(tỷ lệ so với tổng số)					35.52%
3	Trung bình	74	0	0	0	74
	(Tỷ lệ so với tổng số)					11.84%
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng**	0	0	0	0	0
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	1333/1176	440/399	327/301	257/220	309/316
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	32	8	4	15	5

Hóc Môn, ngày 05 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN XUÂN

Nguyễn Duy Quang

Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	**Số phòng học**	39	Số m2/học sinh	
II	**Loại phòng học**		-	
1	Phòng học kiên cố	39	1.22 m2/học sinh	
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	9	0,13 m2/học sinh	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	55/39	1.41 lớp /phòng học	
8	Bình quân học sinh/lớp	2565/55	46.63 học sinh/lớp	
III	**Số điểm trường**	1	-	
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	4.447 m2	1,79 m^2/học sinh	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	2.915 m2	1,17 m^2/học sinh	
VI	**Tổng diện tích các phòng**			
1	Diện tích phòng học (m^2)	1800	0,72 m^2/học sinh	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	416	0,16 m^2/học sinh	
3	Diện tích thư viện (m^2)	56	0,02 m^2/học sinh	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	0	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	56	0,02 m^2/học sinh	

VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	54 bộ		
1,1	Khối lớp 6	16 bộ	4 bộ/lớp	
1,2	Khối lớp 7	12 bộ	4 bộ/lớp	
1,3	Khối lớp 8	13 bộ	4 bộ/lớp	
1,4	Khối lớp 9	13 bộ	4 bộ/lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		
2,1	Khối lớp 6	0		
2,2	Khối lớp 7	0		
2,3	Khối lớp 8	0		
2,4	Khối lớp 9	0		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập**	140	25 học sinh/bộ	
	(Đơn vị tính: bộ)			
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp	
1	**Ti vi**	2		
2	**Cát xét**	0		
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0		
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	0		
5	**Đàn**	3		
6	**Active board**	3		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**	
1	Ti vi	2	2	
2	Cát xét	0		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3		
5	Đàn	3		
6	Máy tính	92		

	Nội dung	Số lượng (m^2)		
X	**Nhà bếp**	0		

XI	**Nhà ăn**	5	250	1,28
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	10, 640	250	2,56
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	70 m^2		140 m^2		0,05 m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Hóc Môn, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Quang

Biểu mẫu 12

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng II	Hạng III	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TBình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**102**		**8**	**84**	**2**			**33**	**55**			**67**		
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**88**		**6**	**80**	**2**			**33**	**55**			**67**		
1	Toán	15		4	11				2	13		3	12		
2	Lý	7		1	6				4	3		1	6		
3	Hóa	6			6				4	2			6		
4	Sinh	6			6				1	5			6		
5	Văn	12		1	11				5	7		4	8		
6	Sử	5			5				2	3		2	3		
4	Địa	5			4	1			0	5		2	2		
8	Tiếng anh	10			10				3	7		3	7		
9	GDCD	3			3				1	2		2	1		
10	Công nghệ	3			2	1			1	2		1	1		
11	Thể dục	5			5				3	2			5		
12	Âm nhạc	2			2				2				2		
13	Mỹ thuật	2			2				1	1			2		
14	Tin học	7			7				4	3		1	6		
15	Tổng phụ trách	0			0										
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**2**	**1**										

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng II	Hạng III	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TBình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**102**		**8**	**84**	**2**			**33**	**55**			**67**		
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1			2		
III	**Nhân viên**	**11**			**3**		**5**	**5**							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1								
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Hợp đồng 161-111	5			2			3							

Hóc Môn, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Quang